

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/2019/DS-ST**

Ngày 25 tháng 9 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phùng Văn Thị;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 86 ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X** - sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Khu 3 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông **Trịnh Đức T** - sinh năm 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 7 xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Bà là đại lý kinh doanh thức ăn chăn nuôi tại khu 3 xã Đ. Bà với ông T (vợ là Vi Thị T) là chỗ quen biết nhau thông qua việc mua bán thức ăn chăn nuôi từ khoảng 2016, giữa hai bên không có mâu thuẫn gì. Bà đã bán thức ăn chăn nuôi (cám cò) cho ông T rất nhiều lần, về cơ bản là bán chịu trả sau khi ông T bán được lợn. Thỉnh thoảng khi bà mang cám đến nhà ông T, ông T đi vắng thì bà T nhận thay. Do thấy ông T nợ lại tiền cám đã nhiều nên ngày 17/4/2017 sau khi giao hàng xong bà có chốt công nợ

là còn nợ 116.836.000đ vào “Biên bản giao nhận hàng hóa kiêm giấy nhận nợ”. Khi đó ông T vắng mặt, bà T nhận hàng nên bà đã ghi tên bà T vào “Biên bản giao nhận hàng hóa kiêm giấy nhận nợ” ngày 17/4/2017. Do bà T không đồng ý là người giao dịch mua hàng, nợ tiền của bà và không ký vào biên bản. Sau đó bà chờ ông T có mặt và yêu cầu ký vào biên bản. Bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T luôn khất. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho bà 116.836.000đ tiền gốc và bà không tính lãi. Bà yêu cầu ông T trả một lần và phải trả ngay.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Toà án đã niêm yết hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn là ông Trịnh Đức T vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do nên Toà án không thể lấy lời khai cũng như hoà giải vụ án giữa bà Nguyễn Thị X với ông Trịnh Đức T được.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm: Việc chấp hành quy định pháp luật về tố tụng đối với thẩm phán, thư ký, đương sự trong quá trình thụ lý giải quyết, đưa vụ án ra xét xử đúng quy định. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà X. Buộc ông T trả cho bà X số tiền 116.836.000đ và không tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trịnh Đức T là bị đơn trong vụ án vắng mặt, mặc dù ông T đã được Tòa án niêm yết các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Trưởng là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xuất phát từ mối quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi, lấy hàng trả tiền sau nhiều lần giữa bà X với ông T. Tính đến ngày 17/4/2019 ông Trịnh Đức T còn nợ tiền hàng của bà Nguyễn Thị X số tiền 116.836.000đ được hai bên thừa nhận trong “Biên bản giao nhận hàng hóa kiêm giấy nhận nợ” do ông T ký nhận ngày 17/4/2019. Sau nhiều lần bà X đòi, ông T không trả được tiền nên bà X đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả lại tiền. Trong quá trình Tòa án thụ lý để giải quyết vụ án, ông Trịnh Đức T không đến Tòa án dù đã được niêm yết hợp lệ các văn bản như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải.... Điều đó chứng tỏ rằng ông T nợ tiền của bà X và có biết bà X khởi kiện

yêu cầu ông trả nợ, nhưng cố tình gây khó khăn, không trả nợ cho bà X. Bà X yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền nợ trên làm một lần và phải trả ngay, bà không yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2017. Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng cần chấp nhận.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trịnh Đức T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định pháp luật.

Buộc ông Trịnh Đức T phải trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ gốc theo giấy nhận nợ ngày 17/4/2017 là 116.836.000đ (*một trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Ông Trịnh Đức T không phải trả tiền lãi do bà Nguyễn Thị X không yêu cầu.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Trịnh Đức Thường còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Về án phí:**

- Ông Trịnh Đức T phải chịu 5.841.000đ (*năm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ;

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X 2.900.000đ (*hai triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0001662, ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu AV,HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lệ Thanh